

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-01-2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Sang
2. Bà Nguyễn Thị Mai Khanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2021/TB-TLVA ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Hồng H**, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

*** Bị đơn:** Anh **Phạm Minh T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2021 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Phạm Minh T qua tìm hiểu đã cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim ngày 30/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, không thể tiếp tục đời sống vợ chồng, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018, mỗi người hiện đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc và cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H xin ly hôn anh Phạm Minh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh Đ, sinh ngày 10/3/2013, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn - anh Phạm Minh T: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng H, cho chị H được ly hôn với anh Phạm Minh T; Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh Đ, sinh ngày 10/3/2013 cho chị Lê Thị Hồng H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét do không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Lê Thị Hồng H và anh Phạm Minh T đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2012 ngày 30/5/2012, như vậy chị H và anh T có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng H và anh Phạm Minh T là hợp pháp.

[2.1.2] Chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018, mỗi người hiện đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng.

[2.1.3] Lời trình bày của chị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật. Anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ, không có thành ý đoàn tụ. Chị H và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Hồng H và anh Phạm Minh T có 01 con chung tên Phạm Minh Đ, sinh ngày 10/3/2013, Hội đồng xét xử xét thấy, từ sau khi chị H và anh T ly thân và mỗi người sống một nơi, chị H là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt, học tập cho cháu Đ, hiện sức khỏe cháu ổn định, bình thường và được chị H trực tiếp chăm lo việc ăn học của cháu Đ ổn định. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu Đ, đối với yêu cầu của chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị Hồng H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Phạm Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Lê Thị Hồng H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H được ly hôn với anh Phạm Minh T.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh Đ, sinh ngày 10/3/2013 cho chị Lê Thị Hồng H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu Phạm Minh Đ đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Chị Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Hồng H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004285 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên đã nộp xong.

2.2 Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H. Châu Thành-TG;
- THADS H. Châu Thành-TG;
- UBND xã Vĩnh Kim-H.Châu Thành-TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Mai Thanh